

Bản án số: 287/2024/HS-ST

Ngày: 19-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung

2. Ông Thiệu Đình Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 375/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024. Phiên tòa được tổ chức bằng hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu (điểm cầu Trung tâm là Phòng xử án tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cầu thành phần là Trại tạm giam Chí Hoà – Công an Thành phố Hồ Chí Minh), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3073/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với:

- **Bị cáo:**

Trần Anh D, Sinh năm 1967 tại T trú: không nơi đăng ký thường trú; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 0/12; con ông Nguyễn Văn H (chết) và con bà Trần Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: không có vợ, không có con (theo Trích lục tiền án, tiền sự do Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an Thành phố H lập ngày 08/12/2023, Bút lục 223-224, thì Trần Anh D còn có tên khác là: Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1968, Nguyễn Hải B – sinh năm 1965);

* **Tiền án:**

Ngày 26/5/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số

111/HSST). Đến ngày 23/11/2016, Trần Anh D chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa thi hành xong nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm.

* *Tiền sự*: không;

* *Nhân thân*:

+ Ngày 23/01/1983, Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh lập danh chỉ bản số 5258 về việc Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân;

+ Ngày 23/03/1984, bị Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 4768 về việc đưa đi Trường Giáo dưỡng;

+ Ngày 01/06/1985, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 7315 về việc Trộm cắp tài sản của công dân;

+ Ngày 07/10/1986, Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 8475 về việc Trộm cắp tài sản của công dân;

+ Ngày 20/06/1988, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 5595 về việc Trộm cắp tài sản của công dân; Ủy ban nhân dân Quận 1 đưa đi cưỡng bức lao động 18 tháng theo QĐ số 1018 ngày 02/08/1988;

+ Ngày 22/11/1991, Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 5109 về việc Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân;

+ Ngày 06/03/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 12 năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” theo Bản án số 08/HSST, đã chấp hành xong ngày 25/12/2012.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01/11/2023 (có mặt).

- *Bị hại*:

Ông Amin R, sinh năm 1983; Quốc tịch: Bangladesh; Thường trú: Bamoil, S, D1, D2, Bangladesh; Chỗ ở hiện nay: B C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Bà Điều Thị N, Sinh năm 1972; trú tại: B N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 26/02/2023, Trần Anh D điều khiển xe mô tô loại Attila màu đỏ biển số 61F1 – 076.31 lưu thông trên đường, khi đến trước nhà số B C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, D nhìn thấy chị Đỗ Thị Bích N1 và anh Amin R đang ngồi trên xe mô tô, nhưng anh Amin R có biểu hiện say xỉn và túi quần sau bên phải của anh Amin R để lộ ra bóp tiền màu vàng nâu,

nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt bóp tiền trên. Để thực hiện hành vi, D dựng xe mô tô bên đường và đi bộ tiến lại gần giả vờ đỡ anh Amin R, rồi lén lút chiếm đoạt được bóp tiền, bên trong có 40.000 đồng và các giấy tờ tùy thân của anh Amin R thì bị anh Amin R và chị N1 phát hiện nên cả hai xuống xe giằng co với D. Trong lúc giằng co, D ném bóp tiền xuống đường sau đó điều khiển xe Attila màu đỏ biển số 61F1 – 076.31 bỏ chạy. Cùng lúc này, Tổ tuần tra 363 Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra trên đường C phát hiện sự việc nên đuổi theo giữ được D và đưa về trụ sở Công an Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Quá trình làm việc, Trần Anh D khai nhận hành vi lén lút lấy bóp của anh Amin R như trên.

Bản thân Trần Anh D vào ngày 26/5/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 111/HSST, nhưng chưa thi hành xong nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 20/7/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Trần Anh D.

Tại Bản cáo trạng số 295/CT-VKS-P2 ngày 10/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Anh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Trần Anh D thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng thể hiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Anh D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

- Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở kết luận như sau:

[2.1] Vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 26/02/2023, tại trước nhà số B C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Anh D phát hiện chị Đỗ Thị Bích N1 và anh Amin R đang ngồi trên xe mô tô, nhưng anh Amin R có biểu hiện say xỉn và túi quần sau bên phải của anh Amin R để lộ ra bóp tiền màu vàng nâu, nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt bóp tiền trên. Để thực hiện hành vi, D dựng xe mô tô bên đường và đi bộ tiến lại gần giả vờ đỡ anh Amin R, rồi lén lút chiếm đoạt được bóp tiền, bên trong có 40.000 đồng và các giấy tờ tùy thân của anh Amin R thì bị anh Amin R và chị N1 phát hiện nên cả hai xuống xe giằng co với D. Trong lúc giằng co, D ném bóp tiền xuống đường sau đó điều khiển xe Attila màu đỏ biển số 61F1 – 076.31 bỏ chạy thì bị Tổ tuần tra 363 Công an Quận 5 bắt giữ.

[2.2] Bản thân Trần Anh D có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

[2.3] Với hành vi và nhân thân nêu trên, đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Anh D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, được pháp luật bảo vệ, hành vi này đã gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Nhưng khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

[3.1] Bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng tiền án này đã được dùng để làm căn cứ định tội nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Trần Anh D.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bản thân bị cáo không biết chữ, bị bệnh đái tháo đường, tim mạch nên cũng cần cho bị cáo hưởng các tình tiết này là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu như đã nêu ở phần lý lịch bị cáo.

[4] Với hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt tù có thời hạn nằm ở mức thấp của khung hình phạt đã truy tố bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho bị hại và bị hại cũng không yêu cầu gì thêm nên Tòa án không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Attila, biển số 61F1-076.31; số khung: RLGKA11ADBD042663; số máy: VMVUAAD042663. Qua xác minh xe trên do chị Điều Thị N mua lại tại cửa hàng bán xe tại địa chỉ số D P, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N đưa xe cho Trần Anh D để chạy xe ôm, chị N không biết D sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên trả lại chiếc xe nêu trên cho bà N.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Anh D** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2023.

2. Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Trả lại cho bà Điều Thị N: 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: SYM, số loại: ATTILA, dung tích xi lanh: 111, biển số: 61F1-076.31; số khung: RLGKA11ADBD042663; số máy: VMVUAAD042663 (dây công tơ mét bị đứt, không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra)

Tang vật nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/385 ngày 13/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Anh D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được thông đạt bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng